

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 10 năm 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Liên
- Ông Hà Văn Cho

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhàn là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại Cơ sở 2, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **11/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025** về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là Bản L, xã V, tỉnh Thanh Hóa); Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là Bản L, xã V, tỉnh Thanh Hóa); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11/4/2025, được bổ sung trong bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Vi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không

bị lừa dối, ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 29/8/2008 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B có tình nhân, làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, anh B đã nhiều lần chửi mắng, đánh đập chị. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng anh B không quan tâm đến chị, vợ chồng cũng không hỏi han, trò chuyện với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh B không thể chung sống, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh Lương Văn B có 05 con chung là các cháu Lương Thị Triệu V, sinh ngày 17/12/2007; Lương Thị Tường V1, sinh ngày 22/5/2009; Lương Thị Nhã K, sinh ngày 25/10/2011; Lương Thị Phương U, sinh ngày 08/3/2015 và Lương Đức L1, sinh ngày 23/6/2021. Theo đơn khởi kiện, chị H đề nghị được nuôi cả 05 con và yêu cầu B cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 22/10/2025, chị H trình bày, hiện nay chị đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, có thu nhập bình quân là 9.000.000đ/tháng, nhưng chị đang phải ở trọ, mà chi phí lại đắt đỏ nên chưa đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy, chị đồng ý theo đề nghị của anh B và nguyện vọng của các con, giao cả 05 con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị có nguyện vọng được đóng góp nuôi con cùng anh B, do thu nhập còn thấp nên mức đóng góp không cụ thể, khi có nhiều chị góp nhiều, khi có ít chị góp ít.

Về tài sản: Chị Vi Thị H không yêu cầu giải quyết.

Trong Bản tự khai ngày 14/10/2025, bị đơn là anh Lương Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vi Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới theo tập quán địa phương, đăng ký kết hôn ngày 29/8/2008 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi làm ăn không về nhà, không quan tâm chồng con, gia đình. Tại thời điểm đó, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, anh không biết chị H suy nghĩ và cảm nhận như thế nào, nhưng thấy chị H vẫn đối xử bình thường với anh. Sau đó, chị H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, người đó đã công khai trên mạng xã hội và chị H cũng công nhận sự việc trên. Từ khoảng tháng 3/2025 đến nay vợ chồng ly thân không ai quan tâm ai. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 05 con chung là các cháu Lương Thị Triệu V, sinh ngày 17/12/2007; Lương Thị Tường V1, sinh ngày 22/5/2009; Lương Thị Nhã K, sinh ngày 25/10/2011; Lương Thị Phương U, sinh ngày 08/3/2015 và Lương Đức L1, sinh ngày 23/6/2021. Hiện nay anh đang làm nghề lái xe taxi, có xe riêng, thu nhập trung bình 50.000.000đ/tháng. Từ khi anh và chị H ly thân các cháu sống cùng với anh, các cháu được chăm sóc tốt và được đi học đầy đủ. Riêng cháu Triệu V hiện nay đã học xong cấp 3 và đi làm. Các cháu Tường V1, Phương

U, Nhã K đã lớn, có thể tự sinh hoạt và cùng bà nội trông nom, chăm sóc cháu L1 để anh yên tâm đi làm. Các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với bố. Hiện nay chị H đang đi làm xa, ít quan tâm con cái và thu nhập không đủ trang trải cuộc sống. Vì vậy, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Lương Văn B không yêu cầu giải quyết.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của đương sự về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Đại diện gia đình bị đơn là bà Lương Thị A và đại diện Bản Lọng, xã V, tỉnh Thanh Hóa là ông Lương Văn T, cho biết:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của các đương sự: Anh Lương Văn B, sinh năm 1988 và chị Vi Thị H, sinh năm 1987 đăng ký thường trú tại Bản L, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là Bản L, xã V, tỉnh Thanh Hóa), không đăng ký tạm trú ở nơi khác; chị H, anh B không khai báo xin tạm vắng tại nơi cư trú; đến nay chị H, anh B chưa thay đổi nơi đăng ký cư trú, không bị xóa đăng ký thường trú. Chị H đang đi làm ở tỉnh ngoài nhưng không rõ địa chỉ và ít về nhà, anh B đang có mặt tại nơi cư trú nêu trên.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Chị Vi Thị H và anh Lương Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa) theo quy định, nhưng gia đình và bản không biết ngày tháng năm cụ thể. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được hơn 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng nghi kỵ, ghen tuông, không tin tưởng nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị H và anh B không báo với bản để giải quyết. Một thời gian sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị H đi ra tỉnh ngoài làm ăn, khi chị H về nhà giữa chị H và anh B cũng không cãi vã, xung đột. Đến đầu năm 2025, chị H làm đơn xin ly hôn anh B, từ đó hai người ly thân, không ai quan tâm ai.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị H và anh B có 05 con chung là các cháu Lương Thị Triệu V, Lương Thị Tường V1, Lương Thị Nhã K, Lương Thị Phương U và Lương Đức L1, ngày tháng năm sinh của các cháu đại diện gia đình và bản không biết rõ. Từ khi chị H và anh B ly thân, các cháu đều do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu đều được chăm sóc tốt. Riêng cháu Triệu V đã nghỉ học, các cháu còn lại đều được học tập đầy đủ.

Hiện nay, chị H và anh B đang ở cùng mẹ đẻ của anh B là bà Lương Thị A. Chị H đi làm ăn xa, chị H làm việc ở đâu và làm công việc gì gia đình và bản không biết, nhưng chị H không đóng góp tiền để anh B và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung của chị H và anh B. Anh B là lái xe taxi, mức thu nhập hàng tháng gia đình không biết rõ, nhưng đủ điều kiện để lo cho cả gia đình sinh hoạt và cho các cháu học tập đầy đủ. Anh B là người quan tâm, yêu thương con cái, các cháu cũng quý mến, yêu thương và có nguyện vọng được ở với bố.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Nguyên đơn là chị Vi Thị H và bị đơn là anh Lương Văn B đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vi Thị H:

+ Về hôn nhân: Cho chị Vi Thị H được ly hôn anh Lương Văn B.

+ Về con chung: Công nhận các cháu Lương Thị Triệu V, sinh ngày 17/12/2007; Lương Thị Tường V1, sinh ngày 22/5/2009; Lương Thị Nhã K, sinh ngày 25/10/2011; Lương Thị Phương U, sinh ngày 08/3/2015 và Lương Đức L1, sinh ngày 23/6/2021 là con chung của chị H và anh B. Đề nghị giao cả 05 cháu cho B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Chị Vi Thị H và anh Lương Văn B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại xã V, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án

vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Vi Thị H, anh Lương Văn B và Trích lục kết hôn số 14/TLKH-BS ngày 09/01/2024 do UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa) cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị H và anh Lương Văn B là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, ý kiến của anh B, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H đều có nguyện vọng được ly hôn anh B; anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Theo lời trình bày của chị H, anh B phù hợp kết quả xác minh tại nơi cư trú của đương sự, thì giữa chị H và anh B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ghen tuông nghi kỵ thiếu sự tin tưởng nhau, vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh B và có đơn đề nghị không hoà giải; anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H và không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án; chị H và anh B đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ được. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh B không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, quyết định cho chị H được ly hôn anh B.

[5]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Vi Thị H, anh Lương Văn B, kết quả xác minh và bản sao Giấy khai sinh của các cháu Triệu V, Tường V1, Nhã K, Phương U và Đức L1, đủ cơ sở xác định: Các cháu Lương Thị Triệu V, sinh ngày 17/12/2007; Lương Thị Tường V1, sinh ngày 22/5/2009; Lương Thị Nhã K, sinh ngày 25/10/2011; Lương Thị Phương U, sinh ngày 08/3/2015 và Lương Đức L1, sinh ngày 23/6/2021 là con chung của chị H và anh B.

Anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 05 con, chị H đồng ý theo nguyện vọng của anh B và đề nghị giao cả 05 con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đề nghị của chị H, anh B, thấy: Kể từ khi chị H và anh B ly thân đến nay, các cháu Triệu V, Tường V1, N, Phương U và Đức L1 ở cùng anh B, các cháu được chăm sóc tốt, đều khỏe mạnh và được học tập đầy đủ. Theo trình bày của chị H, thì hiện nay chị H đang làm công nhân, có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 9.000.000đ, nhưng không có nơi ở ổn định, chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập. Theo trình bày của anh B thì hiện nay anh làm nghề lái xe taxi, có xe riêng và thu nhập bình quân hàng tháng là 50.000.000đ. Mặc dù anh B không cung cấp được chứng cứ để chứng minh mức thu nhập, nhưng lời trình bày của anh B phù hợp với kết quả xác minh, thu nhập của anh B đủ điều kiện để nuôi sống cả gia đình và đảm bảo việc học tập của các con chung của chị H và anh B. Hiện nay, chị H đang làm ăn ở tỉnh ngoài, ít quan tâm chăm sóc và không đóng góp nuôi con chung; anh B là người quan tâm, yêu thương và

chăm lo cho các con. Mặt khác, những cháu đã trên 7 tuổi đều có nguyện vọng được ở với anh B và các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với nhau. Vì vậy, để các cháu được yêu thương, chăm sóc đầy đủ, có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt, không bị xáo trộn về môi trường sống và học tập, nên giao các cháu Triệu V, Tường V1, N, Phương U, Đức L1 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Hiện nay anh B có thu nhập ổn định và đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng các con, anh B tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên chấp sự tự nguyện của anh B.

[6]. Về tài sản: Chị Vi Thị H và anh Lương Văn B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Vi Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị H được ly hôn anh Lương Văn B.

Về con chung: Giao các cháu Lương Thị Triệu V, sinh ngày 17/12/2007; Lương Thị Tường V1, sinh ngày 22/5/2009; Lương Thị Nhã K, sinh ngày 25/10/2011; Lương Thị Phương U, sinh ngày 08/3/2015 và Lương Đức L1, sinh ngày 23/6/2021 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0006684 ngày 26/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa). Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Vi Thị H, bị đơn Lương Văn B. Chị H và anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa;
- UBND xã Văn Phú, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng TT, KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ.

Lê Viết Tám